

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
WESTERN – SAIGON BEER JOINT
STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness**

Số/No. 236/2022/WSB

Cần Thơ, ngày 11 tháng 8 năm 2022

Can Tho, August 11, 2022

(Công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp
nhất bán niên năm 2022 đã kiểm toán)

(Information disclosure of Audited
Consolidated Interim Financial Statements
for the first 6 months of 2022)

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.
To: STATE SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM (SSC);
HANOI STOCK EXCHANGE (HNX).**

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Name of Organization: Western – Saigon Beer Joint Stock Company
- Mã chứng khoán: WSB
Stock code: WSB
- Địa chỉ trụ sở: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
Address: Tra Noc Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City, Vietnam
- Điện thoại/Tel: 02923 843 333 Fax: 02923 843 222
- Người thực hiện công bố thông tin: Lê Đăng Khoa
Representative of information disclosure: Le Dang Khoa
- Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
Type of information disclosure: 24h 72h Request Extraordinary Regular

Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2022 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG. Nội dung báo cáo bao gồm:

Western – Saigon Beer Joint Stock Company discloses information of Audited Consolidated Interim Financial Statements for the first 6 months of 2022 as follows:

+ Bảng cân đối kế toán;

Balance sheet;

+ Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh;

Report on business performance;

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;

Statements of cash flows;

+ Thuyết minh báo cáo tài chính.

Explanation of financial statements.

Địa chỉ đăng tải nội dung báo cáo/ Website to publish: www.wsb-sabeco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

We hereby certify that the information provided above is true and bear the full responsibility to the law./.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above;
- Lưu HC/Saved at the Office.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
REPRESENTATIVE OF INFORMATION DISCLOSURE



Lê Đăng Khoa



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
và công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

5703000144
1800586579

ngày 13 tháng 4 năm 2005
ngày 13 tháng 5 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 13 tháng 5 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Neo Gim Siong Bennett
Ông Trần Nguyên Trung
Ông Phạm Đình Hùng
Ông Nguyễn Văn Đồi
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Loan Anh
Ông Đoàn Tiến Dũng
Ông Nguyễn Văn Doanh

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Đăng Khoa
Ông Phạm Minh Quân
Ông Võ Văn Vân

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Neo Gim Siong Bennett
Ông Lê Đăng Khoa

Chủ tịch
Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Trà Nóc
Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy
Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Thành phố Cần Thơ, ngày 8 tháng 8 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo soát xét số: 22-01-00303-22-2



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		366.123.007.791	294.385.351.935
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	80.705.873.294	89.711.419.375
Tiền	111		155.873.294	131.419.375
Các khoản tương đương tiền	112		80.550.000.000	89.580.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		173.430.000.000	140.400.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	173.430.000.000	140.400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.399.259.543	9.322.724.516
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	19.370.709.719	6.572.415.292
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		350.580.209	389.931.227
Phải thu ngắn hạn khác	136		4.677.969.615	2.360.377.997
Hàng tồn kho	140	9	86.427.523.311	54.145.469.248
Hàng tồn kho	141		87.747.545.423	55.422.049.761
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.320.022.112)	(1.276.580.513)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.160.351.643	805.738.796
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.160.351.643	805.738.796

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		511.774.141.169	564.907.018.332
Tài sản cố định	220		435.358.858.040	443.504.516.884
Tài sản cố định hữu hình	221	10	435.358.858.040	443.504.516.884
<i>Nguyên giá</i>	222		1.013.585.032.603	987.447.096.238
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(578.226.174.563)	(543.942.579.354)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		73.881.710	73.881.710
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(73.881.710)	(73.881.710)
Bất động sản đầu tư	230	11	3.305.875.707	3.650.041.629
<i>Nguyên giá</i>	231		9.386.489.186	9.386.489.186
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(6.080.613.479)	(5.736.447.557)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.392.210.602	13.416.472.493
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.392.210.602	13.416.472.493
Đầu tư tài chính dài hạn	250		53.103.120.917	84.064.533.518
Đầu tư vào công ty liên kết	252	7(b)	39.122.405.517	37.783.818.118
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	7(b)	13.980.715.400	13.980.715.400
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(c)	-	32.300.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		18.614.075.903	20.271.453.808
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	17.086.995.418	18.340.505.488
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.527.080.485	1.930.948.320
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		877.897.148.960	859.292.370.267

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

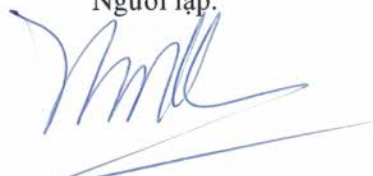
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		139.416.525.555	163.528.850.464
Nợ ngắn hạn	310		132.843.709.913	157.028.816.343
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	11.642.755.043	15.023.392.375
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.100.294	43.055.144
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	90.782.677.252	101.853.657.194
Phải trả người lao động	314		4.900.556.522	11.844.608.934
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		10.720.313.519	4.446.606.638
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	9.003.914.506	9.062.992.891
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	5.792.392.777	14.754.503.167
Nợ dài hạn	330		6.572.815.642	6.500.034.121
Phải trả dài hạn khác	337		158.061.201	69.550.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	6.414.754.441	6.430.484.121
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		738.480.623.405	695.763.519.803
Vốn chủ sở hữu	410	19	738.480.623.405	695.763.519.803
Vốn cổ phần	411	20	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	219.010.945.308	219.010.945.308
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		374.469.678.097	331.752.574.495
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		316.718.262.461	268.148.839.680
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		57.751.415.636	63.603.734.815
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		877.897.148.960	859.292.370.267

Ngày 8 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	394.236.436.965	431.390.555.812
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	326.531.065.581	360.913.350.057
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		67.705.371.384	70.477.205.755
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	7.419.702.089	5.651.510.779
Chi phí tài chính	22		143.937.123	178.605.863
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		143.937.123	178.605.863
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	24	7(b)	1.338.587.399	(654.493.973)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	9.763.496.000	11.324.361.070
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - 26}	30		66.556.227.749	63.971.255.628
Thu nhập khác	31		129.495.887	63.419.968
Chi phí khác	32		563.431.814	249.122.960
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(433.935.927)	(185.702.992)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		66.122.291.822	63.785.552.636
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	4.878.768.940	5.259.226.258
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	403.867.835	364.612.046
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		60.839.655.047	58.161.714.332
Lãi trên cổ phiếu				(Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	4.008	3.837

Ngày 8 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		66.122.291.822	63.785.552.636
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		34.627.761.131	34.636.237.754
Các khoản dự phòng	03		43.441.599	(125.049.022)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(5.527.893.907)	(3.759.702.664)
Thu nhập từ cổ tức	05		(1.891.807.000)	(1.891.807.000)
Lãi/(lỗ) từ thanh lý tài sản cố định	05		-	220.956.197
Phần lỗ trong công ty liên kết	05		(1.338.587.399)	654.493.973
Chi phí lãi vay	06		143.937.123	178.605.863
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		92.179.143.369	93.699.287.737
Biến động các khoản phải thu	09		(12.967.176.052)	6.478.026.145
Biến động hàng tồn kho	10		(32.325.495.662)	(14.423.531.140)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(19.406.988.307)	11.462.756.557
Biến động chi phí trả trước	12		898.897.223	(4.260.948.298)
			28.378.380.571	92.955.591.001
Tiền lãi vay đã trả	14		(143.937.123)	(178.605.863)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.207.490.185)	(6.056.270.122)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.089.502.711)	(9.740.988.171)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.937.450.552	76.979.726.845
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(11.675.703.565)	(1.797.042.978)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	119.090.909
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(83.450.000.000)	(84.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		82.720.000.000	51.360.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		5.310.341.932	4.185.107.086
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.095.361.633)	(30.132.844.983)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2022 VND	30/6/2021 VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	62.400.000.000	163.020.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(62.400.000.000)	(163.020.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(21.847.635.000)	(43.254.160.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(21.847.635.000)	(43.254.160.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(9.005.546.081)	3.592.721.862
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	89.711.419.375	64.349.702.229
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	80.705.873.294	67.942.424.091

Ngày 8 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Le Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là WSB.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát và nước tinh khiết đóng chai; sản xuất đồ uống có cồn; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, rượu, nước giải khát; và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2022: 1 công ty con và 1 công ty liên kết), thông tin chi tiết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			30/6/2022	1/1/2022
Công ty con sở hữu trực tiếp Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%
Công ty liên kết Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	20%	20%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty có 202 nhân viên (1/1/2022: 205 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán mua chuyển khoản cho tài sản và bán chuyển khoản cho nợ phải trả.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc, trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Nhóm Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	2 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Nhóm Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh các loại bia. Các hoạt động kinh doanh khác là cung cấp dịch vụ văn phòng và kho bãi. Ban lãnh đạo cho rằng các phân khúc này không bị biến động theo mùa đáng kể.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi. Trong kỳ, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên các bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 và doanh thu và chi phí trình bày trên các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	106.812.700	95.713.000
Tiền gửi ngân hàng	49.060.594	35.706.375
Các khoản tương đương tiền	80.550.000.000	89.580.000.000
	<hr/>	<hr/>
	80.705.873.294	89.711.419.375

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tiền gửi này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 3,3% đến 3,8% một năm (1/1/2022: 3,2% đến 3,5% một năm).

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 3,7% đến 5,4% một năm (1/1/2022: 3,9% đến 5,2% một năm).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2022					1/1/2022				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào:										
Công ty liên kết										
• Công ty Cổ phần bia Sài Gòn - Bạc Liêu	2.402.400	20,00%	39.122.405.517	-	22.222.200.000	2.402.400	20,00%	37.783.818.118	-	25.837.812.000
Đơn vị khác:										
• Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*) 1.891.807	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)
			<u>53.103.120.917</u>	-				<u>51.764.533.518</u>	-	

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Không có biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	37.783.818.118	37.782.210.432
Phân lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	1.338.587.399	(654.493.973)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	39.122.405.517	37.127.716.459

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu tại ngày và cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:

	Tổng tài sản	Tổng nợ phải trả	Tổng nguồn vốn	Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	252.163.038.862	56.551.011.274	195.612.027.588	6.692.936.997
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	282.468.575.161	96.829.992.862	185.638.582.299	(2.858.779.242)

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 phản ánh các khoản tiền gửi dài hạn tại ngân hàng có kỳ hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND và được hưởng lãi suất năm là 5,2% một năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	18.751.563.723	6.397.734.819
Các khách hàng khác	619.145.996	174.680.473
	19.370.709.719	6.572.415.292

(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	18.751.563.723	6.397.734.819
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	-	13.186.800
		13.186.800

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	309.074.000	-
Nguyên vật liệu	33.958.329.690	-	18.037.721.927	-
Công cụ dụng cụ và phụ tùng thay thế	6.309.710.909	(1.320.022.112)	5.273.024.696	(1.276.580.513)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.642.739.260	-	18.090.323.084	-
Thành phẩm	25.836.765.564	-	13.399.650.104	-
Hàng hóa	-	-	312.255.950	-
	87.747.545.423	(1.320.022.112)	55.422.049.761	(1.276.580.513)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có 1.320 triệu VND (1/1/2022: 1.277 triệu VND) là phụ tùng thay thế chậm luân chuyển.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	1.276.580.513	1.777.406.566
Dự phòng trích lập trong kỳ	206.289.792	204.291.780
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(162.848.193)	(329.340.802)
Số dư cuối kỳ	1.320.022.112	1.652.357.544

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	177.811.245.142	777.795.504.647	15.320.788.648	16.519.557.801	987.447.096.238
Tăng trong kỳ	-	700.000.000	-	-	700.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	25.437.936.365	-	-	25.437.936.365
Số dư cuối kỳ	177.811.245.142	803.933.441.012	15.320.788.648	16.519.557.801	1.013.585.032.603
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	73.076.750.893	447.416.432.796	10.567.702.236	12.881.693.429	543.942.579.354
Khấu hao trong kỳ	4.265.376.277	28.782.779.327	638.150.357	597.289.248	34.283.595.209
Số dư cuối kỳ	77.342.127.170	476.199.212.123	11.205.852.593	13.478.982.677	578.226.174.563
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	104.734.494.249	330.379.071.851	4.753.086.412	3.637.864.372	443.504.516.884
Số dư cuối kỳ	100.469.117.972	327.734.228.889	4.114.936.055	3.040.575.124	435.358.858.040

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 66.788 triệu VND (1/1/2022: 62.440 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của nhà cửa và kết cấu, máy móc thiết bị tạm thời nhàn rỗi trong tài sản cố định hữu hình là 4.390 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (1/1/2022: không).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	9.386.489.186
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	5.736.447.557
Khấu hao trong kỳ	344.165.922
Số dư cuối kỳ	6.080.613.479
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	3.650.041.629
Số dư cuối kỳ	3.305.875.707

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì Nhóm Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	13.416.472.493	725.663.402
Tăng trong kỳ	13.413.674.474	256.526.212
Chuyển (sang)/từ tài sản cố định hữu hình	(25.437.936.365)	510.909.091
Số dư cuối kỳ	1.392.210.602	1.493.098.705

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Tiền thuê đất trả trước VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	11.157.361.999	4.582.408.977	2.600.734.512	18.340.505.488
Tăng trong kỳ	-	224.101.505	-	224.101.505
Phân bổ trong kỳ	(232.737.324)	(683.574.251)	(561.300.000)	(1.477.611.575)
Số dư cuối kỳ	10.924.624.675	4.122.936.231	2.039.434.512	17.086.995.418

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	5.540.479.315	2.841.417.388
Công ty TNHH Chế biến Lương thực Trường Thắng	1.713.569.400	1.232.175.000
Công ty TNHH Nhựa Long Thành	-	991.650.000
Các nhà cung cấp khác	4.388.706.328	9.958.149.987
	11.642.755.043	15.023.392.375

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND	VND
Công ty mẹ			
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	5.540.479.315	2.841.417.388	
Các bên liên quan			
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa be co	100.872.000	-	
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	39.265.600	-	
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.624.691	-	

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022	Số phát sinh	Số đã nộp/cán trừ	30/6/2022
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
		VND	VND	VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	87.780.571.320	371.469.656.732	(406.601.629.852)	52.648.598.200
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.523.059.482	4.878.768.940	(3.207.490.185)	4.194.338.237
Thuế giá trị gia tăng	11.120.066.888	76.237.127.676	(53.969.647.151)	33.387.547.413
Thuế thu nhập cá nhân	429.959.504	1.717.890.657	(1.595.656.759)	552.193.402
Các loại thuế khác	-	108.210.569	(108.210.569)	-
	101.853.657.194	454.411.654.574	(465.482.634.516)	90.782.677.252

16. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Cổ tức phải trả	4.218.677.808	4.316.312.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.312.451.619	1.234.021.339
Phải trả khác	3.472.785.079	3.512.658.744
	9.003.914.506	9.062.992.891

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Nhóm Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	14.754.503.167	16.043.097.361
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 19)	2.725.195.416	5.856.652.903
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	(6.613.532.775)	(3.238.911.829)
Sử dụng trong kỳ	(5.073.773.031)	(9.740.988.171)
Số dư cuối kỳ	<u>5.792.392.777</u>	<u>8.919.850.264</u>

18. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	6.430.484.121	6.570.633.871
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(15.729.680)	-
Số dư cuối kỳ	<u>6.414.754.441</u>	<u>6.570.633.871</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	145.000.000.000	219.010.945.308	308.431.746.139	672.442.691.447
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	58.161.714.332	58.161.714.332
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(43.500.000.000)	(43.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(5.856.652.903)	(5.856.652.903)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	3.238.911.829	3.238.911.829
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(295.221.305)	(295.221.305)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(21.818.288)	(21.818.288)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2021	145.000.000.000	219.010.945.308	320.158.679.804	684.169.625.112
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	39.495.768.896	39.495.768.896
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(21.750.000.000)	(21.750.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.856.652.903)	(5.856.652.903)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(295.221.302)	(295.221.302)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	145.000.000.000	219.010.945.308	331.752.574.495	695.763.519.803
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	60.839.655.047	60.839.655.047
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(21.750.000.000)	(21.750.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(2.725.195.416)	(2.725.195.416)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	6.613.532.775	6.613.532.775
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(363.043.995)	(363.043.995)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	102.155.191	102.155.191
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	145.000.000.000	219.010.945.308	374.469.678.097	738.480.623.405

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021.

21. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 22 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức cho các cổ đông là 43.500 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021, trong đó 21.750 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2021 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: 72.500 triệu VND (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020, trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2020).

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.664.892.069	1.636.266.714
Từ hai đến năm năm	6.152.726.162	6.310.936.278
Sau năm năm	52.006.192.195	52.629.785.944
	59.823.810.426	60.576.988.936

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.437.970.909	-
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	7.376.000.000	3.704.683.637
	9.813.970.909	3.704.683.637

(c) Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị	30/6/2022	1/1/2022
Chai bia Sài Gòn 355 và 450	Chai	1.755.821	1.008.063
Két	Két	-	33.003

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	386.729.796.828	424.081.764.746
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	758.199.453.560	820.745.262.180
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(371.469.656.732)	(396.663.497.434)
▪ Cung cấp dịch vụ	579.191.952	852.768.751
▪ Doanh thu khác	6.927.448.185	6.456.022.315
	394.236.436.965	431.390.555.812

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	325.652.325.182	360.094.207.741
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	501.750.579	530.893.958
▪ Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	43.441.599	(125.049.022)
▪ Giá vốn khác	333.548.221	413.297.380
	326.531.065.581	360.913.350.057

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	5.527.893.907	3.759.702.664
Cổ tức được chia	1.891.807.000	1.891.807.000
Doanh thu tài chính khác	1.182	1.115
	<hr/>	<hr/>
	7.419.702.089	5.651.510.779
	<hr/>	<hr/>

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.790.642.518	7.072.205.429
Chi phí nguyên vật liệu	248.704.825	215.092.453
Chi phí khấu hao	517.984.578	680.855.770
Chi phí dịch vụ mua ngoài	776.238.219	292.015.076
Chi phí quản lý khác	2.429.925.860	3.064.192.342
	<hr/>	<hr/>
	9.763.496.000	11.324.361.070
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	249.238.217.338	268.504.518.882
Chi phí nhân công và nhân viên	22.661.270.879	27.731.000.870
Chi phí khấu hao và phân bổ	34.066.329.317	34.636.237.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.892.271.858	21.876.941.831
Chi phí khác	13.436.472.189	19.489.011.790

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	4.194.338.237	5.248.582.318
Điều chỉnh chi phí thuế của những kỳ trước	684.430.703	10.643.940
	4.878.768.940	5.259.226.258
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	403.867.835	364.612.046
	5.282.636.775	5.623.838.304

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	66.122.291.822	63.785.552.636
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	13.224.458.365	12.757.110.527
Chi phí không được khấu trừ thuế	80.971.667	156.099.079
Thu nhập không bị tính thuế	(646.078.880)	(378.361.400)
Ưu đãi thuế	(2.271.816.063)	(2.349.731.905)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	(5.457.294.370)	(4.568.565.015)
Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	13.851.029	(3.356.922)
Điều chỉnh chi phí thuế của những kỳ trước	684.430.703	10.643.940
Điều chỉnh khác	(345.885.676)	-
	5.282.636.775	5.623.838.304

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”)

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

(ii) Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng (“Công ty con”)

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 59221000029 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2012, Công ty con được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2014) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
		(Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	60.839.655.047	58.161.714.332
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.725.195.416)	(5.856.652.903)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	3.330.130.304
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	58.114.459.631	55.635.191.733
	<hr/>	<hr/>

(*) Việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi được ước tính dựa trên mức dự toán đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

(**) Việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ hạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được điều chỉnh lại trên cơ sở mức trích lập thực tế đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hạn sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được điều chỉnh lại thành 3.837 VND/cổ phiếu dựa trên số trích quỹ khen thưởng phúc lợi đã điều chỉnh (như đã báo cáo trước đây: 3.284 VND/cổ phiếu).

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 14.500.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	758.199.453.560	820.745.262.180
Trả lại hàng mua	864.840.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	129.191.952	-
Mua nguyên vật liệu	256.918.429.110	250.249.541.844
Cổ tức đã trả	11.092.500.000	22.185.000.000
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu		
Bán nguyên vật liệu	-	40.376.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Cổ tức được chia	1.891.807.000	1.891.807.000
Bán nguyên vật liệu	1.794.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Phí sử dụng bao bì	1.504.344	301.142.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung		
Mua nguyên vật liệu	-	1.791.600.000
Công ty TNHH Cơ Khí Sa Be Co		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	194.800.000	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa và dịch vụ	667.157.732	354.832.800
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Mua hàng hóa	-	194.803.400
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	108.661.610	109.801.820
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	145.676.000	112.068.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Hội đồng quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Neo Gim Siong Bennett	65.000.000	65.000.000
Ông Tran Nguyen Trung	101.500.000	93.500.000
Ông Phạm Đình Hưng	45.500.000	45.500.000
Ông Nguyễn Văn Dơi	45.500.000	45.500.000
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	87.500.000	81.500.000
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và các trợ cấp khác	3.638.103.932	3.714.995.945
Ban Kiểm soát		
Lương, thưởng và thù lao	362.859.728	374.794.057

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	
	VND	VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	2.437.970.909	1.259.970.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

33. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ngày 8 tháng 8 năm 2022

Người lập:

Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
Giám đốc